Hình 1: Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Đăng nhập |
| Actor | User, admin |
| Mô tả | Người dùng muốn đăng nhập vào trang web để sử dụng dịch vụ. |
| Điều kiện kích hoạt | Đăng nhập vào trang web gia phả |
| Tiền điều kiện | * Tài khoản người dùng đã được phân quyền * Thiết bị của người dùng phải kết nối internet |
| Hậu điều kiện | * Người dùng đăng nhập trang web thành công. * Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng truy cập vào trang chủ. 2. Người dùng đăng nhập bằng tài khoản đã tạo. 3. Hệ thống ghi nhận đúng thông tin và cho phép người dùng truy cập. 4. Hệ thống ghi nhận hoạt động thành công. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin không trùng, đăng nhập thất bại và hiển thị thông báo 2. Người dùng có thể hủy lệnh đăng nhập 3. Người dùng chọn lệnh khóa tài khoản 4. Người dùng chọn lệnh lấy lại mật khẩu 5. Người dùng chọn lệnh tạo tài khoản mới |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Tra cứu thế hệ |
| Actor | User |
| Mô tả | Người dùng muốn tra cứu thế hệ thuộc đời thứ mấy. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đăng nhập và muốn tra cứu thế hệ |
| Tiền điều kiện | * Người dùng bắt buộc đăng nhập * Nhập từ khóa vào thanh tìm kiếm |
| Hậu điều kiện | Success:   * Hiện ra các thế hệ .   Fail:   * Hiện thông báo là không tìm thấy hoặc không tồn tại |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào thanh tìm kiếm. 2. Người dùng nhập từ khóa và nhấn nút tìm kiếm. 3. Hệ thống sẽ so sánh từ khóa trong Database. 4. Hệ thống sẽ hiện thị tất cả thế hệ của thành viên. |
| Luồng sự kiện phụ | Người dùng hủy thao tác tra cứu |
| Luồng sự kiện thay thế | -Người dùng chọn vào thanh tìm kiếm.   * Người dùng nhập từ khóa cụ thể chi tiết hơn để hiện thị rõ nội dung cần tìm. * Người dùng nhập từ khóa nhanh để hiện thị tất cả các thế hệ liên quan đến từ khóa |

Hình 2: Tra cứu thế hệ

Hình 3: Quản lý thành viên dòng họ

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý thành viên dòng họ |
| Actor | **Admin** |
| Mô tả | Admin sau khi đăng nhập sẽ quản lý tất cả các thành viên dòng họ có trong cây phả hệ bao gồm chắc chức năng thêm xóa sửa |
| Tiền điều kiện | Admin bắt buộc phải đăng nhập vào website của Admin |
| Hậu điều kiện | Success: Thao tác thành công.  Fail: Hiện thông báo nhập lại thông tin hoặc không thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin chọn chức năng quản lý thành viên dòng họ. 2. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình quản lý thành viên dòng họ.  * Extend Use Case Thêm thành viên dòng họ. * Extend Use Case Xóa thành viên dòng họ. * Extend Use Case Sửa thông tin thành viên dòng họ. |
| Luồng sự kiện phụ | * Admin hủy thao tác quản lý. |
| <Extend Use Case> | Thêm thành viên dòng họ   1. Nhập thông tin thành viên dòng họ cần thêm. 2. Admin nhấn nút thêm. 3. Kiểm tra thông tin thành viên dòng họ. 4. Cập nhật CSDL. 5. Thêm thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  3.1. Kiểm tra thông tin bị trùng lập hoặc không chính xác.  4.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |
| <Extend Use Case> | Xóa thành viên dòng họ   1. Admin nhấn vào nút xóa của thành viên dòng họ. 2. Kiểm tra thông tin vừa xóa. 3. Cập nhật CSDL. 4. Xóa thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  2.1. Kiếm tra thông tin xóa không hợp lệ.  3.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |
| <Extend Use Case> | Sửa thành viên dòng họ   1. Chọn thông tin thành viên dòng họ cần sửa. 2. Admin nhấn nút sửa. 3. Kiểm tra thông tin thành viên dòng họ cần sửa. 4. Cập nhật CSDL. 5. Sửa thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  3.1. Kiểm tra thông tin sửa không hợp lệ.  4.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |

Hình 4: Quản lý tin tức

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý tin tức |
| Actor | **Admin** |
| Mô tả | Admin sau khi đăng nhập sẽ quản lý tất cả các tin tức nóng hoặc tin đã có trước đó bao gồm chắc chức năng thêm xóa sửa |
| Tiền điều kiện | Admin bắt buộc phải đăng nhập vào website của Admin |
| Hậu điều kiện | Success: Thao tác thành công.  Fail: Hiện thông báo nhập lại thông tin hoặc không thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin chọn chức năng quản lý tin tức. 2. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình quản lý tin tức.  * Extend Use Case Thêm tin tức. * Extend Use Case Xóa tin tức. * Extend Use Case Sửa tin tức. |
| Luồng sự kiện phụ | * Admin hủy thao tác quản lý. |
| <Extend Use Case> | Thêm tin tức   1. Nhập các mục tin tức cần thêm. 2. Chọn ảnh cần đưa vào tin tức 3. Admin nhấn nút thêm. 4. Kiểm tra tin tức có tồn tại chưa. 5. Cập nhật CSDL. 6. Thêm thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  3.1. Kiểm tra thông tin bị trùng lập hoặc không chính xác.  4.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |
| <Extend Use Case> | Xóa tin tức   1. Admin nhấn vào nút xóa tin tức. 2. Kiểm tra thông tin vừa xóa. 3. Cập nhật CSDL. 4. Xóa thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  2.1. Kiếm tra thông tin xóa không hợp lệ.  3.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |
| <Extend Use Case> | Sửa thành tin tức   1. Nhập tin tức cần sửa. 2. Admin (có thể) đổi hình ảnh tin tức 3. Admin nhấn nút sửa. 4. Cập nhật CSDL. 5. Sửa thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  3.1. Kiểm tra thông tin sửa không hợp lệ.  4.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |

Hình 5: Quản lý nghĩa trang trực tuyến

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý nghĩa trang trực tuyến |
| Actor | **Admin** |
| Mô tả | Admin sau khi đăng nhập sẽ quản lý tất cả các lời viếng thăm của user bao gồm chắc chức năng thêm xóa sửa |
| Tiền điều kiện | Admin bắt buộc phải đăng nhập vào website của Admin |
| Hậu điều kiện | Success: Thao tác thành công.  Fail: Hiện thông báo nhập lại thông tin hoặc không thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin chọn chức năng quản lý nghĩa trang trực tuyến. 2. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình quản lý tin tức.  * Extend Use Case Thêm lời viếng. * Extend Use Case Xóa lời viếng. * Extend Use Case Sửa lời viếng. |
| Luồng sự kiện phụ | * Admin hủy thao tác quản lý. |
| <Extend Use Case> | Thêm lời viếng   1. Nhập lời viếng cần thêm. 2. Admin nhấn nút thêm. 3. Cập nhật CSDL. 4. Thêm thành công. |
| <Extend Use Case> | Xóa lời viếng   1. Chọn lời viếng cần xóa. 2. Admin nhấn vào nút xóa lời viếng. 3. Cập nhật CSDL. 4. Xóa thành công. |
| <Extend Use Case> | Sửa thành lời viếng   1. Nhập lời viếng cần sửa. 2. Admin nhấn nút sửa. 3. Cập nhật CSDL. 4. Sửa thành công. |

Hình 6: Quản lịch sự kiện

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý lịch sự kiện |
| Actor | **Admin** |
| Mô tả | Admin sau khi đăng nhập sẽ quản lý tất cả các sự kiện có trong tháng đó bao gồm chắc chức năng thêm xóa sửa |
| Tiền điều kiện | Admin bắt buộc phải đăng nhập vào website của Admin |
| Hậu điều kiện | Success: Thao tác thành công.  Fail: Hiện thông báo nhập lại thông tin hoặc không thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin chọn chức năng quản lý lịch sự kiện. 2. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình quản lý lịch sự kiện.  * Extend Use Case Thêm lịch sự kiện. * Extend Use Case Xóa lịch sự kiện. * Extend Use Case Sửa lịch sự kiện. |
| Luồng sự kiện phụ | * Admin hủy thao tác quản lý. |
| <Extend Use Case> | Thêm ngày sự kiện   1. Nhập tên ngày sự kiện cần thêm. 2. Admin nhấn nút thêm. 3. Kiểm tra sự kiện trong ngày có tồn tại. 4. Cập nhật CSDL. 5. Thêm thành công.   **Rẽ nhánh 1:**  3.1. Kiểm tra thông tin bị trùng lập hoặc không chính xác.  4.1. Lập lại luồng sự kiện chính. |
| <Extend Use Case> | Xóa ngày sự kiện   1. Chọn ngày sự kiện cần xóa. 2. Admin nhấn vào nút xóa ngày sự kiện. 3. Cập nhật CSDL. 4. Xóa thành công. |
| <Extend Use Case> | Sửa thành ngày sự kiện   1. Chọn ngày sự kiện cần thay đổi. 2. Kéo thả tới ngày cần đổi 3. Cập nhật CSDL. 4. Sửa thành công. |

Hình 7: Quản lý tài khoản user

**Note**: Toàn bộ dữ liệu đều có chức năng Thêm/ Sửa/ Xóa và chịu tác động bởi sự phân quyền từ phía Quản trị hệ thống.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý tài khoản user |
| Actor | **Admin** |
| Mô tả | Admin chọn quản lý tài khoản user và thực hiện các chức năng như tra cứu user, xem danh sách các tài khoản |
| Tiền điều kiện | Admin bắt buộc phải đăng nhập trang web admin |
| Hậu điều kiện | Success: Tra cứu user, tài khoản thành công  Fail: Hiện thông báo không tồn tại. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Admin chọn chức năng quản lý tài khoản user. 2. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình quản lý tài user.  * Extend Use Case xem danh sách tài khoản. * Extend Use Case tra cứu user. |
| Luồng sự kiện phụ | * Admin hủy thao tác quản lý. |
| <Extend Use Case> | Xem danh sách tài khoản  1.Admin chọn xem danh sách các tài khoản  2.Truy vấn CSDL  3.Hiện danh sách các tài khoản |
| <Extend Use Case> | Tra cứu user   1. Admin chọn chức năng tra cứu user 2. Nhập thông tin cần tra cứu 3. Ấn nút tìm kiếm 4. Kiểm tra trong CSDL. 5. Hiện thông tin tra cứu.   **Rẽ nhánh 1:**   * 1. Kiếm tra thông tin không chính xác.   2. Lập lại luồng sự kiện |